

Bản án số: 09/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 17-01-2023

“V/v: ly hôn, yêu cầu nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Giang.

2. Bà Đỗ Thị Hân.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Hoàng Sơn, Thư ký tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Vương Hải Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 “*Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022. Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2022/HPT-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978.

Bị đơn: ông Trần Văn B, sinh năm 1976.

Đều có địa chỉ tại: thôn 1, xã X, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

Đều vắng mặt tòa phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: bà và ông Trần Văn B đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, thành phố Móng Cái năm 1996 trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông B cờ bạc, không chịu làm ăn, không lo cho cuộc sống gia đình, ghen tuông vô lý, đánh đập bà khiến bà phải đi viện. Hai bên gia đình nội, ngoại đã khuyên bảo nhưng ông B không nghe, vẫn chứng nào tật đấy, tình trạng đã kéo dài nhiều năm nay. Hiện vợ chồng đang sống cùng một nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau nữa, nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông B.

Về con chung: bà và ông B có 04 con chung là Trần Thị O, sinh ngày 15/12/1996; Trần Minh M, sinh ngày 01/02/2000 Trần Thu T, sinh ngày 08/5/2007; Trần Thị Thu D, sinh ngày 11/7/2011. Hiện các cháu D, M, T đang ở với hai vợ chồng, còn cháu O đã đi lấy chồng. Bà yêu cầu nhận nuôi 02 con chung là cháu T và cháu D chưa đủ tuổi thành

niên, không yêu cầu ông B cấp dưỡng. Cháu O và cháu M đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: không có.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm các giấy tờ liên quan đến nhân thân của các đương sự và các con chung.

Bị đơn ông Trần Văn B trong quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập đến tòa án tại các buổi lấy lời khai, phiên họp, nhưng ông B không có mặt tại, không gửi ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà H và cũng không cung cấp chứng cứ, tài liệu gì.

Quá trình giải quyết các cháu Trần Thu T và Trần Thị Thu D có đơn trình bày thể hiện nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Quá trình xác minh tại địa phương thể hiện: bà H và ông B là vợ chồng đang sinh sống tại địa phương, trong thời gian chung sống tại địa phương bà H và ông B xảy ra cãi vã, xô xát, nguyên nhân là do ông B chơi lô đề, cờ bạc không chịu làm ăn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, những người tiến hành tố tụng đúng theo quy định, nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật, bị đơn không tuân thủ việc triệu tập vi phạm khoản 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: căn cứ Điều 56; Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho bà H được ly hôn với ông B. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung chưa thành niên cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung đương sự không có yêu cầu nên không xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn B là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà H có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn và yêu cầu nuôi con chung thuộc trường hợp tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Móng Cái, nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có đơn xin xét xử vắng mặt, không có người đại diện hợp pháp, theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về tình cảm: cuộc hôn nhân của bà H và ông B được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và đăng ký theo quy định của pháp luật, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông B chơi lô đề, cờ bạc không chịu làm ăn, không lo cho cuộc sống gia đình, ghen tuông vô lý, đánh đập vợ, tình trạng trên kéo dài gia đình các bên có can thiệp khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không cải thiện ngày càng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau, nên chấp nhận yêu cầu về việc ly hôn của bà H đối với ông B

[3.2] Về con chung: căn cứ vào các tài liệu do bà H cung cấp thể hiện: bà H và ông B có 04 con chung là Trần Thu T; Trần Thị O; Trần Thị Thu D; Trần Minh M. Cháu Trần Thị O và Trần Minh M đã thành niên, đương sự không có yêu cầu gì nên không xét. Xét yêu cầu nuôi con chung của bà H Hội đồng xét xử thấy hiện tại bà H có việc làm, thu nhập thường xuyên, có chỗ ở ổn định, mặt khác nguyện vọng của các cháu cũng xin được ở với mẹ, ông B không có ý kiến gì về việc nuôi con chung. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà H

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: bà H không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và khoản nợ chung: theo lời khai của bà H vợ chồng không có tài sản chung và khoản nợ chung nên không xét.

[6] Về án phí: bà H chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 56; Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc ly hôn.

Xử: về tình cảm: cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Trần Văn B.

- Về con chung: giao 02 con chung là Trần Thu T, sinh ngày 08/5/2007 và Trần Thị Thu D, sinh ngày 11/7/2011 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Ông B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bà H và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không trực tiếp nuôi dưỡng mà không ai được cản trở.

Về án phí: bà H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007663 ngày 10/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Móng Cái.

Về quyền kháng cáo: nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh QN, TP MC;
- Chi cục THA Dân sự;
- UBND nơi DS ĐKKH
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)**

Trần Thị Thu Nga